

KINH 1339. THỢ SĂN¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Tôn giả Thập Lực Ca-diếp² đang ở trong hang Tiên nhân³, thành Vương xá. Lúc đó, có người thợ săn tên là Xích Chỉ,⁴ cách Tôn giả Thập Lực Ca-diếp không xa, giăng lưới bắt nai. Bấy giờ, Tôn giả Thập Lực Ca-diếp vì thương xót người thợ săn kia nên thuyết pháp. Nhưng lúc đó người thợ săn kia không hiểu những gì ngài nói. Lúc bấy giờ, Tôn giả Thập Lực Ca-diếp bèn dùng thần lực làm lửa cháy đầu ngón tay, nhưng ông vẫn không hiểu. Bấy giờ, Thiên thần đang ở trong hang Tiên nhân, nói kệ:

*Thợ săn trong núi sâu,
Ít trí, mù không mắt.
Sao nói không đúng thời,
Đức mỏng, không tuệ biện?
Đã nghe cũng không hiểu,
Trong sáng cũng không thấy;
Đối mọi pháp thiện thẳng,
Ngu si chẳng thể tỏ.
Dù đốt mười ngón tay,
Chúng trợn không kiến đế.*

Sau khi Thiên thần nói kệ này xong, Tôn giả Thập Lực Ca-diếp liền im lặng.

M

KINH 1340. KIÊU-MÂU-NI⁵

Tôi nghe như vậy:

-
1. S. 9. 3. Kassapagotta; N^o100(359).
 2. Thập Lực Ca-diếp 十力迦葉. Pāli: Kassapagotta.
 3. Tiên nhân quật 仙人窟. N^o100(359): Thê-ni quật 埜泥窟.
 4. Xích Chỉ 尺只. N^o100(358): Liên-ca 連迦.
 5. Pāli, S.9. 9. Vajjiputta; N^o100(360).

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, có Tôn giả Kim Cương Tử⁶ ở một nơi trong rừng, tại ấp Ba-liên-phất⁷. Lúc đó dân chúng ấp Ba-liên-phất qua bốn tháng mùa hạ, mở đại hội Kiêu-mâu-ni⁸. Bấy giờ, Tôn giả Kim Cương Tử nghe dân chúng mở đại hội, sanh tâm không vui, nói kệ:

*Một mình ở rừng vắng,
Giống cây khô bị bỏ.
Mùa hạ cuối tháng tư,
Thế gian ưa trang nghiêm.
Xem khắp các thế gian,
Không ai khổ hơn ta.*

Khi ấy vị Thiên thần ở trong rừng liền nói kệ:

*Một mình ở rừng vắng,
Giống cây khô bị bỏ.
Làm trời Tam thập tam,
Tâm thường mong an vui.
Giống như trong địa ngục,
Mong tưởng sanh cõi người.*

Lúc đó Kim Cương Tử được vị Thiên thần khuyến khích rồi, chuyên tinh tư duy, đoạn các phiền não, đắc A-la-hán.

M

-
6. Kim Cương Tử 金剛子 . N^o100(360): Bạt-kỳ tử. Pāli: Vajjiputta. Bản Hán đọc là Vajiraputta.
 7. Ba-liên-phất 巴連弗 .
 8. Kiêu-mâu-ni đại hội 憍牟尼大會 . N^o100(36): Câu-mật-đề đại hội 拘蜜提大會 . Pāli: Komudī; đại hội ngày trăng tròn tháng Kattika, tháng cuối mùa mưa. Bản Pāli: sabbaracāro, dạ hành đại hội, lễ hội suốt đêm.